TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/ DS-PT
Ngày: 14/9/2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy.

Ông Nguyễn Văn Hiệp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 326/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2023/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Quỳnh G, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Trú tại: Số B đường N, quận S, Tp Đà Nẵng;

Tạm trú: Số A đường P, phường M, quận S, thành Phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị Quỳnh G: Anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1982; trú tại: Tổ D, khu V, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Đặng Viết K, sinh năm 1940; địa chỉ: Số C đường T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Viết K: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987; trú tại: Số C đường T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đặng Viết K: Luật sư Đặng Trường N - Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: Tầng A và 2 Lô LKA-40, dự án Đ (đường số A), khu C - khu Đô thị T, phường N, TP, tỉnh Bình Định.(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961. (có đơn vắng mặt)

2. Chị Lê Thị Phương T1, sinh năm 1984. (có đơn vắng mặt)

3. Chị Lê Ngọc Hiếu K1, sinh năm 2003. (có đơn vắng mặt)

Cùng trú tại: Số C đường T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh B. (có đơn vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hữu B – Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B.

5. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q. (có đơn vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thế T2, chức vụ: Phó Giám đốc.

6. UBND phường Q, thành phố Q. (có đơn vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy T3, chức vụ: Công chức Tư pháp phường.

7. Văn Phòng C. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thanh H, chức vụ: Công chứng viên; Địa chỉ: Số B đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định

- *Người kháng cáo*: Ông Đặng Viết K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh G ủy quyền cho anh Nguyễn Duy L trình bày:

Ông Đặng Viết K và bà Đỗ Thị Hồng S là vợ chồng nhưng hai người không có con chung, chị G gọi bà S bằng dì ruột. Vợ chồng ông K, bà S nhận chị G làm con nuôi và nuôi dưỡng. Ngoài ra bà S cũng không có con riêng. Cha mẹ bà S đều chết trước bà S.

Năm 1985 ông K đi làm giấy khai sinh cho chị G là Đặng Thị Quỳnh G1, giấy khai sinh này do chính cha nuôi chị G1 là ông K làm và có chứng thực của UBND phường Q. Chị G1 là con nuôi duy nhất của bà S và ông K.

Năm 2014 bà S chết có để lại di chúc miệng ngày 14/4/2014 có hai người làm chứng nhưng di chúc miệng này đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên vô hiệu (Theo bản án số: 79/2018/DS-PT ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định) nên coi như bà S chết không để lại di chúc.

Về nguồn gốc nhà, đất tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (tức là số nhà C T) như sau: Năm 1984 ông K làm trong quân đội chưa có

nhà ở nên được cấp một lô đất trên. Năm 1984 ba mẹ nuôi chị G1 đã xin với ba mẹ ruột chị đón chị vào nuôi, lúc đó ông K đi làm thủ tục khai sinh cho chị G1, khi đó ba mẹ nuôi chị G1 được cấp đất có diện tích 114,3m^2, tại số C T, thành phố Q và xây dựng nhà ở được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00876 ngày 23/10/2012 đứng tên Đặng Viết K và Đỗ Thị Hồng S.

Trong sổ hộ khẩu gia đình chị G1 thì mẹ nuôi là Đỗ Thị Hồng S làm chủ hộ từ ngày 25/11/1979. Ngày 20/11/1981 ba nuôi chị là ông Đặng Viết K được đăng ký vào sổ hộ khẩu với quan hệ là chồng của bà S. Như vậy hộ gia đình ba, mẹ nuôi chị G1 gồm: Ông K, bà S và chị G1.

Ngày 16/5/2014 bà S chết. Ngày 29/5/2015 bà Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn với ông K cho nên con, cháu của bà M và bà M không có liên quan gì đến nhà, đất trên.

Năm 2015 UBND thành phố Q thực hiện dự án đầu tư nâng cấp mở rộng quốc lộ A nên đã thu hồi của hộ gia đình cha mẹ nuôi chị G1 125,8m^2 đất (trong đó: Đất ở 62,5m^2, đất nông nghiệp 61,9m^2, đất lấn chiếm 1,4m^2) tại một phần thửa đất số 168, tờ bản đồ số 33 thuộc phường Q và thực hiện hỗ trợ bồi thường theo quy định. Ngày 27/10/2015 UBND thành phố Q có Quyết Định số 7535/QĐ-UBND giao cho hộ gia đình cha mẹ nuôi chị G1 01 lô đất số 19 khu A, diện tích 82,89m^2, thuộc khu tái định cư phía đông núi M, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định mục đích là để xây dựng nhà ở có thu tiền sử dụng đất với đơn giá đất là 2.550.000đồng/m^2, số tiền phải nộp là 211.369.500đồng. Ông K đã nộp xong tiền sử dụng đất và đã được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Đặng Viết K.

Về nhà tại số C T, thành phố Q do bị giải tỏa một phần nên ông K đã bỏ tiền xây dựng lại nhà mới như hiện nay nên chị G1 không tranh chấp về phần nhà.

Về số tiền giải tỏa bồi thường, hỗ trợ 1.215.852.807đ. Ông K đã nhận 915.852.870đ, chị G1 đã nhận 300.000.000đ đã giải quyết xong theo bản án số 61/2020/HC-PT ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng nên chị G1 không tranh chấp.

Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của bà S gồm có chị G1 và ông K, di sản thừa kế của bà S chết để lại gồm có: ½ quyền sử dụng đất tại số C T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00876 ngày 23/10/2012 đứng tên Đặng Viết K và Đỗ Thị Hồng S) mà hiện nay ông K đang quản lý, sử dụng và ½ lô đất tái định cư tại lô số A khu A, diện tích 82,89m^2, thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q, tiền sử dụng đất phải nộp 211.369.500đ.

Trong quá trình chị G1 khởi kiện chia thừa kế di sản của bà S chết để lại và Tòa án đang thụ lý giải quyết thì vào năm 2021 ông Đặng Viết K tự ý đi khai nhận di sản thừa kế của bà S và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS06210 ngày 04/02/2021 đứng tên Đặng Viết K là không đúng quy định của pháp luật.

Nay chị G1 yêu cầu chia di sản thừa kế của bà S là ½ quyền sử dụng 87,10m^2 đất tại số C T, thành phố Q và ½ lô đất số 19 khu A, diện tích 82,89m^2, thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q, sau khi trừ tiền sử dụng đất 211.369.500đ mà ông K đã nộp theo quy định của pháp luật. Chị G1 yêu cầu chia bằng hiện vật quyền sử dụng đất tại số C T. Phần thừa kế của chị G1 thì chị xin nhận phần đất trống còn lại có nhà cấp 4 không sử dụng được, có diện tích 41,4m^2 và chị G1 thanh toán lại giá trị chênh lệch theo biên bản định giá ngày 08/4/2021.

Ngoài ra chị G1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS06210 ngày 04/02/2021 đứng tên Đặng Viết K.

Bị đơn ông Đặng Viết K ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông Đặng Viết K và bà Đỗ Thị Hồng S là vợ chồng nhưng hai người không có con chung. Ngoài ra bà S cũng không có con riêng, con nuôi. Cha mẹ của bà S đều chết trước bà S.

Năm 2014 bà S chết không để lại di chúc. Việc chị G1 cho rằng chị là con nuôi của ông K, bà S thì ông K không thừa nhận, vì chị G1 tên là Đỗ Thị Quỳnh G chứ không phải là Đặng Thị Quỳnh G1. Sự thật trước đây bà S có nhận chị G1 làm con nuôi nhưng cha mẹ ruột của chị G1 không đồng ý và cha mẹ ruột chị G1 có làm đơn gửi giám đốc Công an tỉnh N để phản đối việc nhận con nuôi của bà S. Sau đó, thực tế chị G1 cũng về sống với cha mẹ ruột tại Đà Nẵng, chỉ khi trưởng thành vào học tại trường Đại học Q thì chị G1 mới nhập hộ khẩu vào gia đình ông K (ngày 10/10/1995). Từ trước đến nay ông K và bà S chưa thực hiện thủ tục nhận nuôi con nuôi đối với chị G1 theo quy định. Chị G1 nhập hộ khẩu vào gia đình ông K với tư cách là con cháu trong nhà, không phải là con nuôi của vợ chồng ông K, bà S. Hơn nữa, lúc nhập hộ khẩu vào gia đình ông K năm 1995 thì chị G1 đã đủ tuổi trưởng thành, không làm con nuôi được. Chị G1 đã tách hộ khẩu về Đà Nẵng ngày 30/9/2008.

Năm 2014 bà S chết. Việc chị G1 cho rằng chị G1 là con nuôi của ông K, bà S và bà S có để lại di chúc miệng ngày 14/4/2014 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên vô hiệu (Theo bản án số: 79/2018/DS-PT ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định) nên coi như bà S chết không để lại di chúc. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của bà S chỉ có một mình ông K.

Di sản thừa kế của bà S chết để lại là ½ nhà, đất tại số C T, thuộc tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q. Riêng về nhà bị giải tỏa nên năm 2016 ông K đã bỏ tiền ra xây dựng lại ngôi nhà mới như hiện nay. Còn 01 lô đất tái định cư tại lô số A khu A, thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q là do UBND thành phố Q cấp đất tái định cư cho hộ gia đình ông K gồm: Ông K, bà Nguyễn Thị M (vợ ông K), chị Lê Thị Phương T1 (con riêng bà M), chị Lê Ngọc Hiếu K1 (con chị T1) có tên trong sổ hộ khẩu.

Về nguồn gốc nhà, đất tại số C T, thành phố Q như sau: Năm 1984 ông K làm trong quân đội và chưa có nhà ở nên ông được cấp một lô đất tại số C T, thành

phố Q và đã được UBND tỉnh N cấp vào tháng 6/1984, đứng tên ông Đặng Viết K. Sau này đổi sổ UBND thành phố Q cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00876 ngày 23/10/2012 đứng tên Đặng Viết K và Đỗ Thị Hồng S.

Năm 2015 UBND thành phố Q thực hiện dự án đầu tư nâng cấp mở rộng quốc lộ A nên đã thu hồi của gia đình ông K 125,8m^2 đất (trong đó: Đất ở 62,5m^2, đất nông nghiệp 61,9m^2, đất lấn chiếm 1,4m^2) và thực hiện hỗ trợ bồi thường theo quy định. Ngày 27/10/2015 UBND thành phố Q có Quyết Định số 7535/QĐ-UBND giao cho hộ gia đình ông K 01 lô đất số 19 khu A, diện tích 82,89m^2, lộ giới 16m thuộc khu tái định cư phía đông núi M, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định mục đích là để xây dựng nhà ở có thu tiền sử dụng đất với đơn giá đất là 2.550.000đồng/m^2, số tiền phải nộp là 211.369.500đ. Ông K đã nộp xong số tiền sử dụng đất nhưng do chị Giao tranh c thừa kế nên UBND thành phố Q chưa giao đất trên thực địa và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K.

Năm 2018 ông K kiện Ủy ban nhân dân thành phố Q về hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng đã xét xử theo bản án số 61/2020/HC-PT ngày 21/12/2020 và ông K đã thi hành xong bản án số 61/2020/HC-PT ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng. Còn lô đất tái định cư đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH04466 ngày 14/5/2021 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ ông Đặng Viết K gồm: Ông K, bà Nguyễn Thị M (vợ ông K), chị Lê Thị Phương T1 (con riêng bà M) và chị Lê Ngọc Hiếu K1 (con chị T1).

Về số tiền giải tỏa và bồi thường 1.215.852.807đ, trong đó có số tiền 22.350.000đồng tiền hỗ trợ di dời, chuyển chỗ ở, thuê nhà của hộ gia đình mới của ông K và ông K đã nhận 915.852.870đ, chị G1 đã nhận 300.000.000đ. Ông K khiếu nại việc chị Giao nhận 300.000.000đ tiền giải tỏa, đền bù nhưng không được Tòa án nhân dân cấp Cao tại Đà Nẵng chấp nhận.

Về nhà tại số C T, thành phố Q do bị giải tỏa nên ông K đã tự bỏ tiền xây dựng lại ngôi nhà mới vào năm 2016. Hiện nay ông K, bà Nguyễn Thị M (vợ ông K), chị T1 (con riêng bà M), chị K1 (con chị T1) đang ở.

Nay chị G1 yêu cầu chia di sản thừa kế của bà S theo quy định của pháp luật là ½ quyền sử dụng 87,5m^2 đất tại C T, thành phố Q và ½ lô đất số 19 khu A, diện tích 82,89m^2 thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q thì ông K không đồng ý. Vì chị G1 không phải là con nuôi của bà S.

Ông K cũng không đồng ý yêu cầu hủy Giấy giấy nhận quyền sử dụng đất của chị G1 vì ông K là người thừa kế duy nhất của bà S nên ông K khai nhận di sản thừa kế của bà S là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, chị Lê Thị Phương T1 và chị Lê Ngọc H1 K1 thống nhất lời khai và yêu cầu của ông K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh B do ông Đặng Hữu B đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 17/12/2020, ông Đặng Viết K nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố Q. Trước đây ngày 23/10/2012, ông Đặng Viết K và bà Đỗ Thị Hồng S được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCN), thửa đất số 168, tờ bản đồ số 35 tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q. Ngày 29/12/2015, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q chỉnh lý xác nhận thu hồi một phần diện tích đất do thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến B liên tỉnh, tỉnh Bình định (theo Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND thành phố Q).

Năm 2014 bà Đỗ Thị Hồng S chết, Giấy chứng nhận cũng thất lạc, ông Đặng Viết K làm đơn báo mất GCN gửi UBND phường Q. UBND phường Q đã thực hiện niêm yết thông báo về việc mất GCN và lập biên bản kết thúc niêm yết theo quy định.

Sau khi không nhận được phản hồi nào liên quan đến việc mất GCN, ông Đặng Viết K lập văn bản khai nhận di sản đối với bất động sản tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 35, tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q được Văn phòng C chứng nhận ngày 17/12/2020. Theo đó, ông Đặng Viết K là người thừa kế duy nhất của bà Đỗ Thị Hồng S chết ngày 16/5/2014. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q kiểm tra hồ sơ, điều kiện thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

Ngày 03/02/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Q lập bản đồ địa chính và công trình xây dựng đối với thửa đất đề nghị cấp lại GCN của ông Đặng Viết K.

Trên cơ sở đảm bảo các điều kiện, căn cứ Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất, Văn phòng Đăng ký có Tờ trình số 55/TTr-VPĐK ngày 03/02/2021 trình Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B có Quyết định số 94/QĐ-STNMT ngày 04/02/2021 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BK 261474, số vào sổ cấp GCN: CH00876 do UBND thành phố Q cấp ngày 23/10/2012 cho ông Đặng Viết K và bà Đỗ Thị Hồng S. Đồng thời, lập hồ sơ trình Sở Tài nguyên và môi trường ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Đặng Viết K tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 35, tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q. Qua kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ nêu trên, Văn phòng Đ khẳng định: Việc tham mưu trình Sở T ký Quyết định hủy Giấy chứng nhận, đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất và khai nhận thừa kế của ông Đặng Viết K đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Nay bà G1 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS06210 ngày 04/02/2021 do Sở T cấp đứng tên ông Đặng Viết K đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định do ông Huỳnh Thế T2 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trung tâm phát triển quỹ đất được UBND thành phố Q giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, GPMB dự án Đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến B liên tỉnh, tỉnh Bình Định.

Ngày 30/10/2014 UBND thành phố Q có Thông báo thu hồi đất số 698/TB-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ GPMB của hộ gia đình ông Đặng Viết K, cụ thể như sau:

- Về thu hồi đất: UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 5983/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Đặng Viết K, Đỗ Thị Hồng S (chết).

- Về bồi thường, hỗ trợ: Hộ ông Đặng Viết K bị ảnh hưởng GPMB Quốc lộ 1D (giải tỏa một phần) được bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 5980/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 với số tiền là 1.215.852.807đ.

- Về tái định cư: Hộ ông K được UBND thành phố Q giao 01 lô đất ở tái định cư lô số 19 khu A8, diện tích 82,89m^2, lộ giới 16m thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q theo Quyết định số 7535/QĐ-UBND ngày 27/10/2015.

Về chi phí bồi thường, hỗ trợ: Hội đồng bồi thường đã thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu cho hộ ông K với số tiền là 900.000.000đ, trong đó:

+ Chị Đỗ Thị Quỳnh G là 300.000.000đ.

+ Ông Đặng Viết K là 600.000.000đ.

Về việc giao đất tái định cư: Hộ ông Đặng Viết K được giao đất tái định cư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 của Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh B về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Hộ ông Đặng Viết K bị giải tỏa một phần đủ điều kiện bồi thường đất ở và tái định cư nên được Hội đồng xét giao 01 lô đất tái định cư số 19 khu A, diện tích 82,89m^2 thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q. Tại thời điểm ban hành Quyết định giao đất tái định cư, Hội đồng bồi thường căn cứ vào chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không xác định số thành viên trong hộ gia đình ông Đặng Viết K.

Trước đây ông Đặng Viết K đã khởi kiện UBND thành phố Q phải giao lô đất số 19 khu A8, diện tích 82,89m^2, lộ giới 16m thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q, lập biên bản giao đất, xác định cụ thể mốc giới trên thực địa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của lô đất được giao và tiếp tục chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ còn lại 615.852.807đ cho ông Đặng Viết K. Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng đã xử phúc thẩm theo Bản án số 61/2020/HC-PT ngày 21/12/2020.

Thi hành Bản án hành chính phúc thẩm trên thì Ban QLDA ĐTXD &PTQĐ thành phố Q đã phối hợp với UBND phường Q và các đơn vị liên quan xác định cụ thể mốc giới và bàn giao lô đất tái định cư trên thực địa cho hộ ông K. Ngày 10/6/2021 đã thực hiện việc chi trả xong cho ông K số tiền 315.852.807đ xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Q do ông Lê Duy T3 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đặng Viết K nhiều lần đến phường báo cáo bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xin được cấp lại giấy chứng nhận. Ngày 13/7/2020 ông K có đơn trình bày báo mất GCN, để phục vụ xin cấp lại giấy chứng nhận, được Công an phường Q xác nhận. UBND phường Q căn cứ Luật đất đai và Điều 77 của Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai để làm các thủ tục giải quyết theo yêu cầu của ông K.

Trong quá trình làm hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận, ông K có báo cáo cho UBND phường vụ việc tranh chấp giữa ông và chị Đỗ Thị Quỳnh G đã được Tòa án các cấp giải quyết xong, nên ông tiến hành làm thủ tục khai nhận di sản của vợ ông là bà Đỗ Thị Hồng S (chết ngày 16/5/2014). UBND phường Q không nhận được thông tin việc Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đang thụ lý tranh chấp về thừa kế, nên xác nhận để ông K tiến hành làm các thủ tục khai nhận di sản.

Nay chị Đỗ Thị Quỳnh G yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND phường Q đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Phòng C do bà Phạm Thị Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/12/2021, Văn phòng C có tiếp nhận hồ sơ công chứng khai nhận di sản của ông Đặng Viết K với nội dung: "Yêu cầu tiến hành thủ tục khai nhận di sản của bà Đỗ Thị Hồng S chết ngày 16/5/2014 theo trích lục khai tử số 93/TLT-BS do Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q cấp ngày 04/03/2016. Di sản để lại là phần quyền đối với bất động sản là thửa đất số 168, tờ bản đồ số 35 thuộc tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Ông Đặng Viết K đã cung cấp các giấy tờ về nhân thân, giấy tờ về di sản thừa kế và đơn trình báo mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Công an phường Q, thành phố Q xác nhận ngày 13/7/2020 và các thủ tục niêm yết tại UBND phường Q.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, Văn phòng tiến hành kiểm tra, xem xét các tài liệu, giấy tờ phục vụ cho yêu cầu công chứng nêu trên cùng với đó là việc trao đổi, giải thích cho người yêu cầu công chứng về quyền, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý của việc giao kết văn bản khai nhận di sản nêu trên. Nhận thấy hồ sơ đầy đủ nên Công chứng viên tiến hành lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Đỗ Thị Hồng S theo quy định của pháp luật. Ông Đặng Viết K đã tự đọc lại và đồng ý toàn bộ nội dung văn bản, ông Đặng Viết K ký vào từng trang của Văn bản trước mặt công chứng viên và Công chứng viên đã làm đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Công chứng.

Văn phòng C và công chứng viên trực tiếp thụ lý, giải quyết hồ sơ đã thực hiện đúng quy trình công chứng. Đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số *326/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Q quyết định:*

1. Chị Đỗ Thị Quỳnh G được quyền sử dụng diện tích đất 41,4m^2 thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 33, tọa lạc tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo).

2. Ông Đặng Viết K được quyền sở hữu ngôi nhà và được quyền sử dụng diện tích đất 45,7m^2 thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 33, tọa lạc tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo) và được quyền sử dụng diện tích đất 82,89m^2 tại lô số 19 khu A, thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH04466 ngày 14/5/2021 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ ông Đặng Viết K.

3. Buộc chị Đỗ Thị Quỳnh G có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Viết K 874.447.000đ (T4 trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 01/12/2022, ông Đặng Viết K gửi đơn kháng cáo cho rằng Bản án sơ thẩm công nhận chị Đỗ Thị Quỳnh G là con nuôi của bà Đỗ Thị Hồng S, được hưởng di sản của bà S (vợ ông), là giải quyết vụ việc chưa đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đặng Viết K trình bày: Đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Viết K sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh G vì chị G không phải là con nuôi của bà Đỗ Thị Hồng S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo bản sao giấy khai sinh được nhận sao y bản chính năm 1985 tại UBND phường Q, thành phố Q và Sổ hộ khẩu đăng ký thường trú cho chị Đỗ Thị Quỳnh G tại hộ bà S ngày 10/10/1995 đều xác định chị Đỗ Thị Quỳnh G là con của bà Đỗ Thị Hồng S và ông Đặng Viết K. Mặt khác, theo bản án Hành chính phúc thẩm số 61/2020/HC-PT ngày 21/12/2020 của TAND Cấp Cao tại Đà Nẵng đã xác định chị G là con nuôi bà S và là người thừa kế hợp pháp của bà S. Đồng thời UBND phường Q cũng có văn bản xác nhận chị

Đỗ Thị Quỳnh G (tên chứng minh nhân dân) là Đặng Thị Quỳnh G1. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Viết K. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố Quy Nhơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, chị Lê Thị Phương T1, chị Lê Ngọc Hiếu K1, UBND tỉnh B, UBND phường Q, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Q vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Văn phòng C vắng mặt. Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần hai nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Đặng Viết K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về di sản thừa kế:

Nguồn gốc thửa đất số 168, tờ bản đồ 33, tọa lạc tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q (số nhà C đường T, thành phố Q) có diện tích 114,3m^2 cấp cho ông K năm 1984, do ông K thuộc diện chính sách và được UBND tỉnh N cấp sổ chứng nhận quyền sở hữu nhà số 4861/CNSH ngày 20/8/1994 đứng tên Đặng Viết K. Đến ngày 23/10/2012 UBND thành phố Q đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00876 ngày 23/10/2012 đứng tên ông Đặng Viết K và bà Đỗ Thị Hồng S.

Thực hiện giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A đoạn từ ngã ba L đến Bến xe liên tỉnh, ngày 27/8/2015 UBND thành phố Q ra Quyết định số 5983/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Đặng Viết K, bà Đỗ Thị Hồng S. Diện tích thu hồi 125,8m^2 (trong đó có 26,8m^2 đất ở của thửa đất 168 theo giấy chứng nhận, còn lại là đất sử dụng khác). Sau khi thu hồi đất thửa đất 168 còn lại 87,5m^2 đã được chỉnh lý biến động ngày 29/12/2016 mà hiện nay chị G1 đang giữ GCN số CH00876. Tuy nhiên theo đo đạc thực tế ngày 04/11/2022 của Công ty TNHH Đ nhà, đất có diện tích 87,1m^2.

Hộ ông K, bà S được nhận bồi thường, hỗ trợ số tiền 1.215.852.807đ theo Quyết định số 5980/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND thành phố Q và được giao 01 lô đất tái định cư số 19 khu A, diện tích 82,89m^2, thuộc khu tái định cư phía đông núi M, phường N, thành phố Q theo Quyết định số 7535/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 thì ông K phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo đơn giá nhà nước quy định là 211.369.500đ, ông K đã nộp đủ tiền sử dụng đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH04466 ngày 14/5/2021 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ ông Đặng Viết K. Theo Điều 30 của Quyết định số 50/2012-QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh B thì giao đất tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nên quyền sử dụng lô đất tái định cư số 19 khu A, diện tích 82,89m^2, thuộc khu tái định cư phía đông núi M, phường N, thành phố Q là cấp

cho hộ gia đình ông Đặng Viết K gồm có ông K và bà S là người có đất bị thu hồi, phù hợp với Điều 86 luật Đất đai năm 2013 quy định "bố trí đất tái định cư cho người có đất ở bị thu hồi đất".

Năm 2018 ông K khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu UBND thành phố Q trả cho ông đủ 1.215.852.807đ tiền bồi thường vì ông K cho rằng chị G1 không phải là con nuôi của bà S nên không được nhận thừa kế của bà S. Kết quả theo Bản án hành chính phúc thẩm số 61/2020/HC-PT ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng (BL 218) đã có hiệu lực pháp luật xác định thửa đất 168 là tài sản chung của ông K và bà S, chị G1 là con nuôi của bà S nên chị G1 là người trong diện thừa kế của bà S, chị G1 và ông K thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà S mỗi người được nhận ½ tài sản của bà S chết để lại nên chị G1 được nhận 300.000.000đ thừa kế từ tiền bồi thường phần của bà S (tương đương 50% phần tiền bồi thường của bà S) đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời tại biên bản đối chất ngày 26/02/2021 tại TAND thành phố Q (BL 75) ông K thống nhất theo bản án số 61/2020/HC-PT ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng không có ý kiến gì. Hiện nay bản án của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng đã thi hành xong tiền bồi thường là di sản của bà S để lại. Mặt khác theo bản sao giấy khai sinh được sao y bản chính năm 1985 tại UBND phường Q, thành phố Q và Sổ hộ khẩu đăng ký thường trú cho chị Đỗ Thị Quỳnh G tại hộ bà S ngày 10/10/1995 đều xác định chị Đỗ Thị Quỳnh G là con của bà Đỗ Thị Hồng S. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị G là con nuôi của bà S và những người thừa kế theo pháp luật của bà S gồm có ông K và chị G là có cơ sở.

Ngoài ra, ông K cho rằng chị G không phải là con nuôi bà S nhưng tại biên bản đối chất ngày 26/02/2021 tại TAND thành phố Q ông K thừa nhận sự thật trước đây vợ ông bà S có nhận chị G làm con nuôi nhưng cha mẹ đẻ chị G không đồng ý, tuy nhiên ông chỉ nghe nói chứ không có chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông K cho rằng chị G không phải là con nuôi của bà S.

Do tài sản chung của vợ chồng ông K bà S sau khi thực hiện giải phóng mặt bằng bao gồm: Tiền bồi thường 1.215.852.807đồng; thửa đất 168, tờ bản đồ số 35, diện tích thực tế 87,1m^2 tọa lạc tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q (số nhà C T); 01 lô đất tái định cư số A khu A, diện tích 82,89m^2, thuộc khu tái định cư phía đông núi M, phường N, thành phố Q chưa. Phần tiền 1.215.852.807đ đã chia thừa kế xong (theo bản án tòa cấp cao Đà Nẵng) còn lại thửa đất 168, tờ bản đồ số 35, diện tích thực tế 87,1m^2 và lô đất tái định cư số 19 khu A, diện tích 82,89m^2. Sau khi trừ 211.369.500đ ông K đã nộp tiền sử dụng đất thì giá trị hai thửa đất là 6.838.210.500đ, phần di sản của bà S còn lại chưa chia là 3.419.105.000đ. Sau khi tính công sức giữ gìn, bảo quản và tôn tạo di sản cho ông K 200.000.000đ thì ông K và chị G mỗi người được nhận ½ di sản của bà S là 1.609.553.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nhu cầu và hoàn cảnh của các bên để phân chia di sản của bà S theo hiện vật, giao cho chị Đỗ Thị Quỳnh G quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế 41,4m^2 thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 33, tọa

lạc tại số C T, phường Q, thành phố Q. Giao cho ông K được quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế 45,7m^2 thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại số C T, phường Q, thành phố Q và quyền sử dụng đất có diện tích 82,89m^2 tại lô S khu A, Khu tái định cư phía đông núi M, phường N, thành phố Q, chị G có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho ông K 874.447.000đ là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Đặng Viết K yêu cầu cấp phúc thẩm xác định chị G không phải là con nuôi của bà S và bác yêu cầu chia thừa kế của chị G là không có căn cứ nên hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[4] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Vì ông K là người cao tuổi nên ông K được miễn nộp theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đặng Viết K đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Viết K sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh G vì chị G không phải là con nuôi của bà Đỗ Thị Hồng S là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Viết K, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 688, 213, 649, 651, 653, 660 BLDS Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Viết K.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 326/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Chị Đỗ Thị Quỳnh G được quyền sử dụng diện tích đất 41,4m^2 thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 33, tọa lạc tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo).

3. Ông Đặng Viết K được quyền sở hữu ngôi nhà và được quyền sử dụng diện tích đất 45,7m^2 thuộc thửa đất số 168, tờ bản đồ địa chính số 33, tọa lạc tại tổ C, khu V, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo) và được quyền sử dụng diện tích đất 82,89m^2 tại lô số 19 khu A, thuộc khu tái định cư phía Đông núi M, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH04466 ngày 14/5/2021 do UBND thành phố Q cấp đứng tên hộ ông Đặng Viết K.

4. Buộc chị Đỗ Thị Quỳnh G có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Viết K 874.447.000đ (T4 trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

5. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Viết K được miễn nộp.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký và đóng dấu*)

Phan Minh Dũng